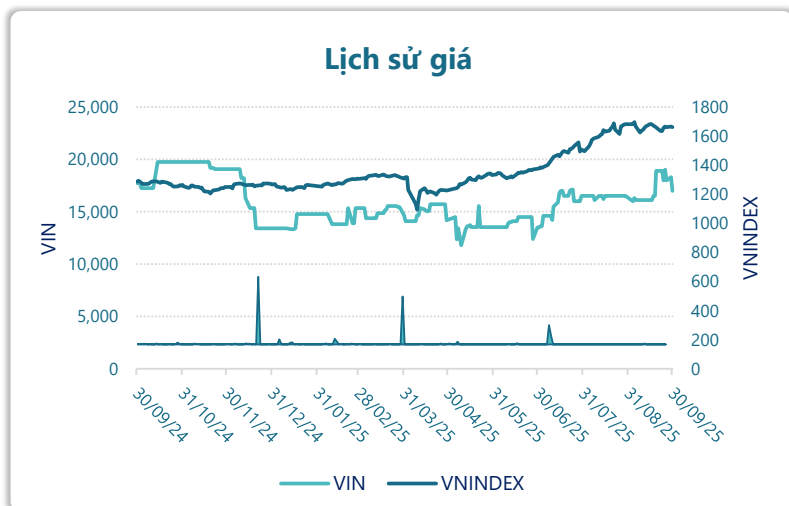


CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (UPCOM: VIN)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,753
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,795
SL cổ phiếu LH	25,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	995
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	434
P/E	20.1
EPS	844

DT thuần
Q3/25

178

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.0 | 29.9%

YoY: ▲ 148 | 489%

LN sau thuế
Q3/25

-1.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 17.3 | -109%

YoY: ▼ 6.63 | -128%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

-0.8%

+/- YoY: ▼ 18.5%

DT thuần
9T 2025

387

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 297 | 328%

LN sau thuế
9T 2025

13.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 7.80 | -37.4%

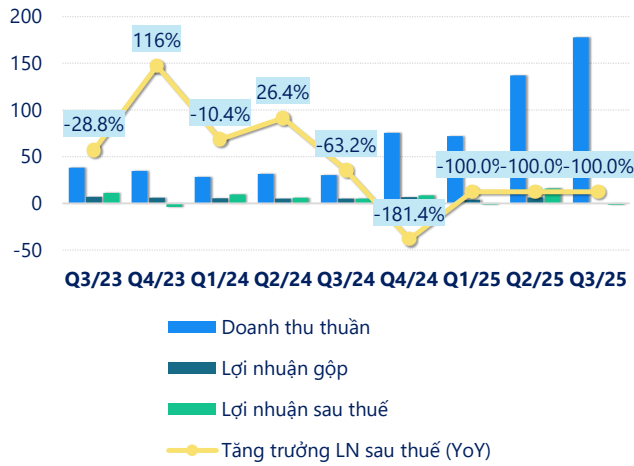
ROE
Q3/25

3.8%

+/- YoY: ▲ 0.8%

tỷ VNĐ

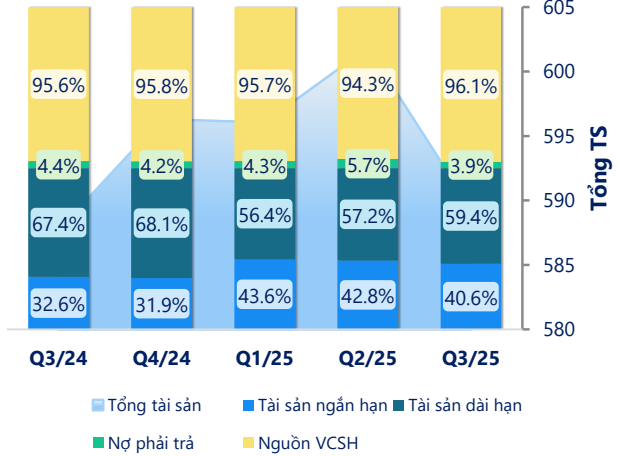
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

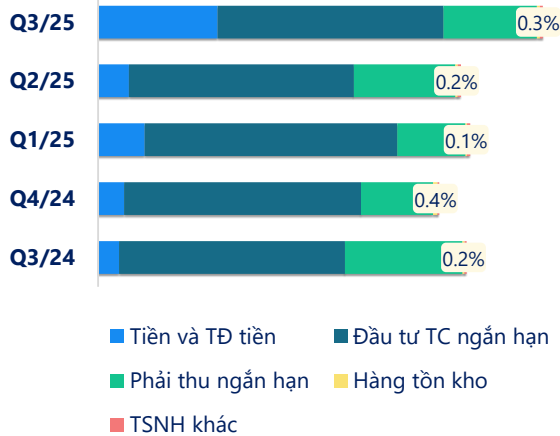
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



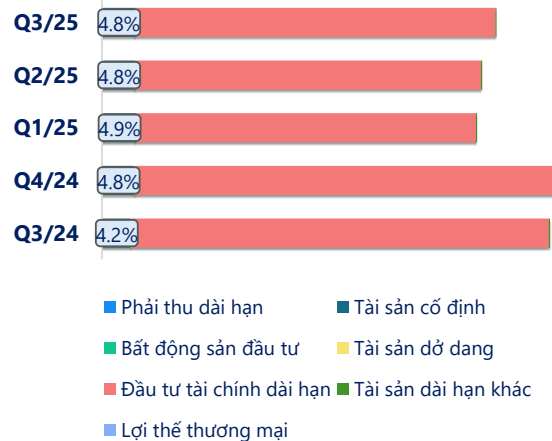
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

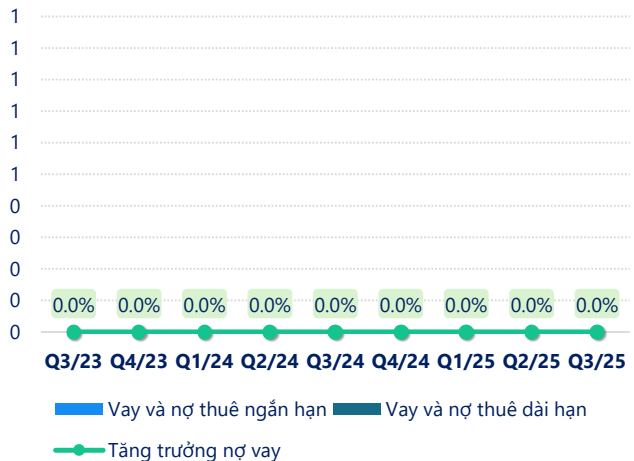
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

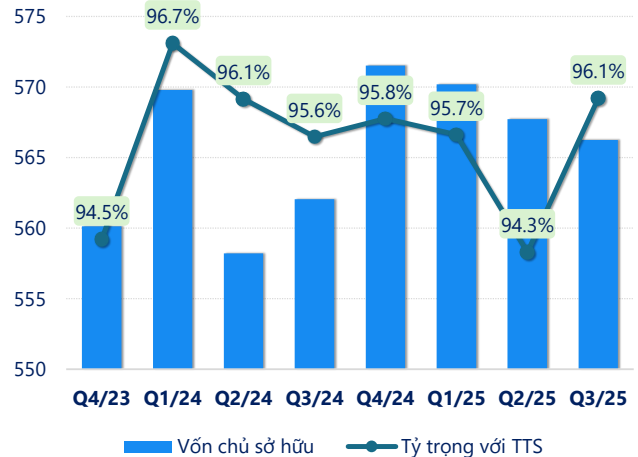
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

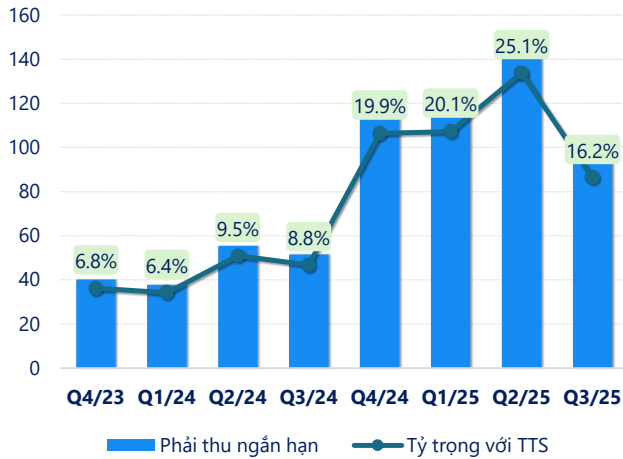
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



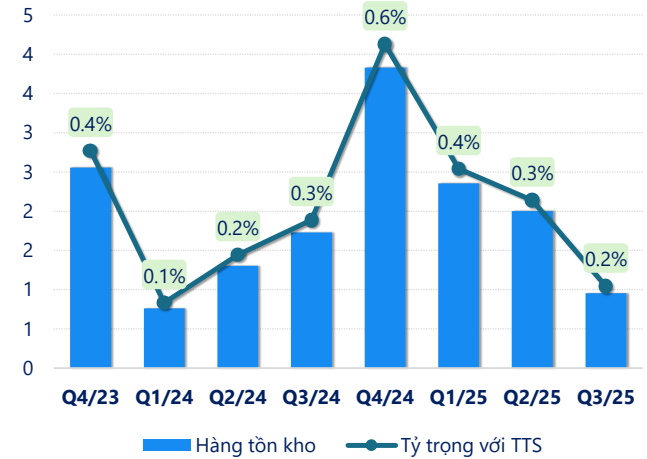
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


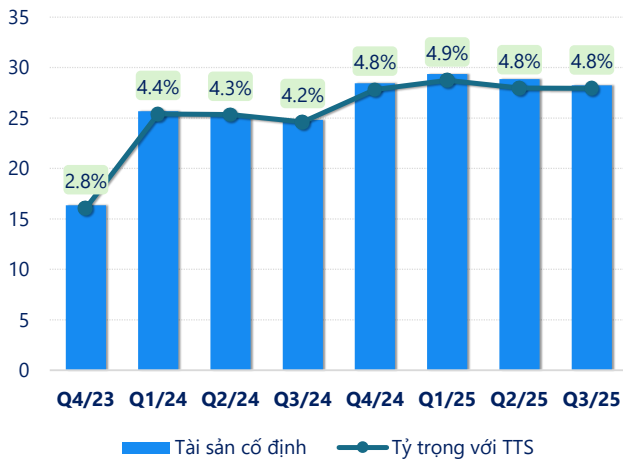
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


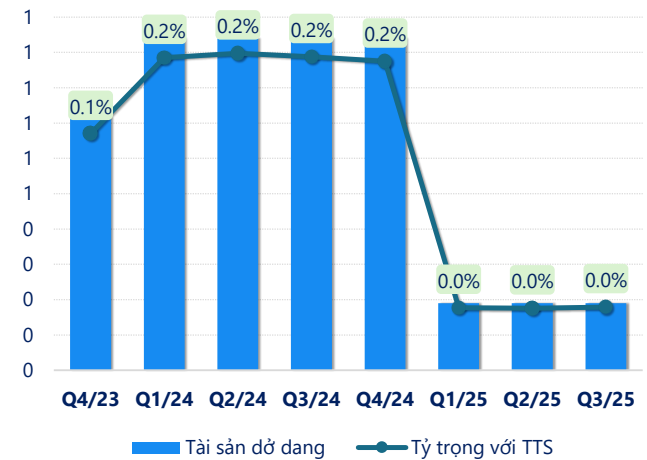
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

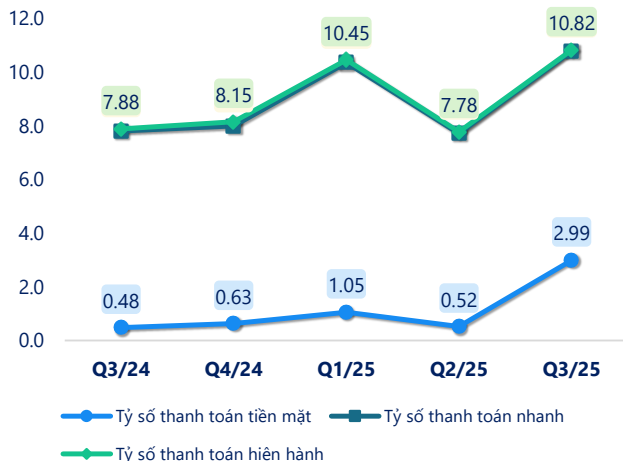
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

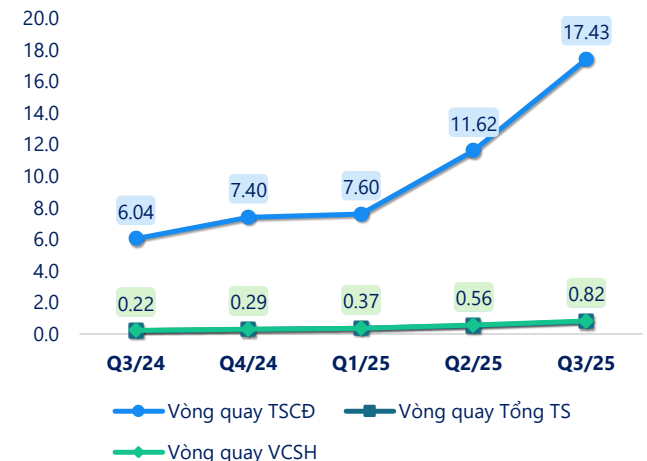
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	588	596	596	602	589
Tài sản ngắn hạn	191	190	260	258	240
Tiền và tương đương tiền	11.7	14.6	26.2	17.4	66.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	51.0	108	83.1	74.1
Phải thu ngắn hạn	51.5	119	120	151	95.3
Hàng tồn kho	1.73	3.83	2.35	2.00	0.96
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	1.82	3.38	4.12	3.06
Tài sản dài hạn	396	406	336	344	350
Phải thu dài hạn	0.72	0.72	1.14	1.14	1.14
Tài sản cố định	24.8	28.4	29.4	28.9	28.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.94	0.94	0.19	0.19	0.19
Đầu tư tài chính dài hạn	369	375	305	313	319
Tài sản dài hạn khác	1.22	1.29	0.93	0.98	0.85
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	25.6	24.8	25.9	34.1	23.2
Nợ ngắn hạn	24.3	23.3	24.9	33.1	22.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	10.2	8.06	11.0	9.12
Nợ dài hạn	1.36	1.48	1.02	1.02	1.02
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	562	572	570	568	566
Vốn chủ sở hữu	562	572	570	568	566
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)